

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc**

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 9/5/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung của công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, gồm: Đối tượng; nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của Ủy ban Dân tộc; hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng (HĐTĐKT), Hội đồng khoa học, sáng kiến (HĐKHSK); thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền quyết định, trao tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng; Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua thường xuyên gồm:

a) Cá nhân: Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc.

b) Tập thể: Các Vụ, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc các tỉnh hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng UBND tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh) đã có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên.

2. Đối tượng thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề: Được xác định cụ thể trong kế hoạch phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề của Ủy ban Dân tộc (tùy theo mục đích, yêu cầu, nội dung thi đua).

3. Đối tượng khen thưởng gồm:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này;

b) Các cá nhân, tập thể ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc có thành tích, công lao xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp công tác dân tộc;

c) Cá nhân, tập thể là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân người nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam hoặc nước ngoài, tập thể người nước ngoài đang công tác tại cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 3, Điều 4 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất và kịp thời;

2. Công tác thi đua phải được duy trì thường xuyên, nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu, các biện pháp tổ chức phong trào thi đua phải thiết thực, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức và gắn với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ủy ban Dân tộc, của từng cơ quan, đơn vị;

3. Thực hiện phân cấp, tăng cường trách nhiệm gắn với quyền hạn của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng, bảo đảm phù hợp và đồng bộ với việc phân cấp quản lý về công tác tổ chức, cán bộ và kinh phí;

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua của toàn hệ thống cơ quan công tác dân tộc, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng giúp Hội đồng thi đua khen thưởng tham mưu đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; thẩm định hồ sơ thi đua, khen thưởng báo cáo Hội đồng thi đua, khen thưởng xét, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp

có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ trưởng, Chủ nhiệm phát động và điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị để chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt hoặc thi đua theo chuyên đề trong phạm vi cơ quan, đơn vị; quyết định khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

4. Cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan về công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN THI ĐUA

Điều 5. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm a mục 1 phần I Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua:

Căn cứ nội dung phát động thi đua của Ủy ban Dân tộc, của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đặc điểm, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ công tác, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống cơ quan công tác dân tộc tổ chức phong trào thi đua:

a) Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, đề ra các chỉ tiêu, khẩu hiệu, nội dung, thời hạn thi đua. Việc xác định nội dung và tiêu chí thi đua phải phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi, đảm bảo các điều kiện về tinh thần, vật chất cho phong trào thi đua; chỉ tiêu thi đua, tiêu chí khen thưởng đặt ra phải từ mức tiên tiến trở lên để đảm bảo từng cá nhân, tập thể cần nỗ lực, tích cực phấn đấu mới hoàn thành.

b) Xác định biện pháp tổ chức phong trào thi đua; có hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp, coi trọng công tác tuyên truyền, phát huy tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, tập thể.

c) Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua; tổ chức vận động, theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và kịp thời phổ biến các kinh nghiệm tốt cho đối tượng tham gia thi đua.

d) Sơ kết, tổng kết thi đua để đánh giá đúng kết quả, tác dụng của phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc; tổ chức tuyên truyền, xây dựng, phát

hiện nhân tố mới và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

Điều 6. Đăng ký danh hiệu thi đua

1. Các cơ quan, đơn vị tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký thi đua gửi về Thường trực HĐTĐKT chậm nhất là ngày 28/02 hàng năm.

2. Đối với phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề nhằm thực hiện chương trình, đề án lớn hoặc hưởng ứng các cuộc vận động: Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và đăng ký thi đua theo kế hoạch phát động thi đua của Ủy ban Dân tộc.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

Các danh hiệu thi đua được xét tặng thường xuyên hàng năm vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc:

1. Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban:

a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, gồm: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể, gồm: Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc, Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh: Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc.

3. Tỷ lệ, số lượng các danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quy định tại văn bản hướng dẫn tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm (tùy theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác trong năm).

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng thường xuyên mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác năm của cơ quan, đơn vị cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

Trong năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao bao gồm số lượng, chất lượng, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ;

Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần phấn đấu, đoàn kết tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

Có đạo đức, lối sống lành mạnh; có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt quy chế văn hóa công sở, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy định của cơ quan;

Đạt từ 51% số phiếu đồng ý trở lên so với tổng số phiếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết trong cuộc họp tập thể; đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên bằng bỏ phiếu kín tính trên tổng số thành viên HĐTĐKT các cấp (hoặc Liên tịch của các Vụ, đơn vị), nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì gửi xin ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp chung.

b) Các trường hợp được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước, những người trong khi thực thi nhiệm vụ bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

Cá nhân được cử đi học, bồi dưỡng ngắn hạn tập trung dưới 01 năm, đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

Cá nhân được cử đi đào tạo tập trung từ 01 năm trở lên, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác;

Đối với cá nhân mới chuyển công tác đến Ủy ban Dân tộc thì đơn vị mới có trách nhiệm: Xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên (dưới 6 tháng thì căn cứ nhận xét của cơ quan cũ trong hồ sơ chuyển công tác, không cần lấy lại ý kiến nhận xét của đơn vị cũ).

c) Cá nhân thuộc diện chưa bình bầu, xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” bao gồm: Có văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định đang trong quá trình bị kiểm tra, thanh tra, tạm giam, tạm giữ để làm rõ trách nhiệm liên quan hoặc đang xem xét kỷ luật.

Sau khi có “Kết luận” kiểm tra, thanh tra, xem xét kỷ luật: Nếu đối tượng không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì cơ quan, đơn vị (cấp Vụ và tương đương) quản lý đối tượng có văn bản đề nghị HĐTĐKT xem xét, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các trường hợp sau: Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; trong năm đã có tháng tự ý nghỉ việc từ 3 ngày làm việc trở lên; nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên trong năm; bị xử phạt hành chính trong thi hành nhiệm vụ; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được bình bầu là “Lao động tiên tiến”;

b) Được Hội đồng khoa học, sáng kiến cơ sở công nhận: Có sáng kiến, giải pháp công tác đạt hiệu quả cao; có đề tài nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ mới để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác của cơ quan, đơn vị;

c) Đạt tỷ lệ số phiếu bình bầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”: Được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, bao gồm cả năm hiện tại được bình xét là Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Được HĐKHSK Ủy ban Dân tộc công nhận thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có tác dụng ảnh hưởng đối với cơ quan Ủy ban Dân tộc;

c) Đạt tỷ lệ số phiếu bình bầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc": Được xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 15 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm c mục 2 phần I Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến": Được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao; chấm điểm thi đua của tập thể đạt từ 81 điểm trở lên;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị;

đ) Đạt tỷ lệ số phiếu bình bầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc": Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu trong số các tập thể được bình xét là "Tập thể Lao động tiên tiến"; chấm điểm thi đua của tập thể đạt từ 91 điểm trở lên;

b) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc, vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao với chất lượng và hiệu quả cao;

c) Tổ chức, duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

d) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

đ) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

e) Đạt tỷ lệ số phiếu bình bầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

3. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc": Được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban:

Là tập thể tiêu biểu trong số các tập thể vừa được bình xét là "Tập thể lao động xuất sắc"; hoàn thành vượt mức và toàn diện các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

Có nhân tố mới, mô hình mới để các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban học tập;

Nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

Đạt tỷ lệ số phiếu bình bầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

b) Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh:

Được công nhận đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" tại địa phương và có thành tích nổi bật trong công tác dân tộc.

Đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên bằng bỏ phiếu kín tính trên tổng số thành viên HĐTĐKT Ủy ban Dân tộc; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì gửi xin ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp chung.

4. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ": Được xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm d mục 2 phần I Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

Điều 10. Nguyên tắc, phương pháp bình bầu các danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc bình bầu:

a) Việc bình bầu được tiến hành khi kết thúc năm công tác hoặc một cuộc phát động thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề);

b) Hình thức bỏ phiếu bình bầu các danh hiệu thi đua tại HĐTĐKT các cấp (hoặc Liên tịch đối với các Vụ, đơn vị không có HĐTĐKT) quy định như sau:

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" và các danh hiệu thi đua của tập thể: Bình bầu bằng biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín;

Các danh hiệu thi đua của cá nhân từ "Chiến sỹ thi đua cơ sở" trở lên: Bình bầu bằng bỏ phiếu kín.

2. Trình tự, phương pháp bình bầu các danh hiệu thi đua:

a) Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban không có các Phòng trực thuộc:

Bước 1: Họp toàn thể cán bộ, công chức, người lao động của đơn vị để đánh giá, bình bầu danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể (Biên bản cuộc họp, kết quả bỏ phiếu lưu tại Vụ, đơn vị);

Bước 2: Trên cơ sở kết quả cuộc họp toàn thể, tổ chức họp liên tịch (Chính quyền, Chi ủy, Công đoàn) của đơn vị để xét duyệt danh hiệu thi đua cho các cá nhân, tập thể và chấm điểm thi đua.

b) Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban có các Phòng trực thuộc:

Bước 1: Họp toàn thể cán bộ, công chức, người lao động của Phòng để đánh giá, bình bầu danh hiệu thi đua cho từng người (Biên bản cuộc họp, kết quả bỏ phiếu lưu tại Vụ, đơn vị);

Bước 2: Trên cơ sở kết quả cuộc họp toàn thể của các phòng, Vụ, đơn vị tổ chức họp HĐTĐKT hoặc họp liên tịch để xét duyệt danh hiệu thi đua cho các cá nhân, tập thể và chấm điểm thi đua.

c) Đối với cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh:

Tổ chức đánh giá, bình bầu danh hiệu thi đua, khen thưởng tại đơn vị;

Trên cơ sở đó thực hiện tổng kết công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư này và văn bản hướng dẫn hàng năm của Ủy ban Dân tộc.

d) Chấm điểm thi đua: Theo mẫu ban hành tại văn bản hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban Dân tộc.

Chương III HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Hình thức, đối tượng khen thưởng

Hình thức, đối tượng khen thưởng (Khen thưởng thường xuyên, Khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề, Khen thưởng đột xuất, Khen thưởng quá trình cống hiến, Khen thưởng đối ngoại) của Ủy ban Dân tộc thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, e mục 1 phần II, Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

Điều 12. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức Khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước:
 - a) Huân, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.
 - b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
2. Hình thức Khen thưởng của cơ quan Ủy ban Dân tộc:
 - a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc”;
 - b) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
3. Hình thức Khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban: Giấy khen của Thủ tướng các đơn vị.

Điều 13. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Ủy ban Dân tộc để tặng cho cá nhân đã có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp Phát triển các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Ủy ban Dân tộc xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp Kỷ niệm “Ngày truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc” (ngày 03 tháng 5 hàng năm) và xét tặng đối với các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng.

2. Kỷ niệm chương được xét tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân công tác trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc:

Bộ trưởng, Chủ nhiệm; các Phó Chủ nhiệm; các Ủy viên kiêm nhiệm Ủy ban Dân tộc;

Cán bộ công chức, viên chức có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên đối với nam, 08 năm trở lên đối với nữ tính đến ngày 03 tháng 5 hàng năm;

Các trường hợp được cộng thêm năm công tác: Mỗi lần được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm được cộng thêm 01 năm; mỗi lần đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, hoặc được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cộng thêm 02 năm; được tặng Huân chương (các hạng) được cộng thêm 03 năm;

Trường hợp được quy đổi thời gian công tác: Cán bộ, công chức, sỹ quan, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đã có thời gian (số năm) công tác ở các huyện 30a, các xã biên giới, các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi, khi chuyển về công tác trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, thì số năm làm việc nói trên được tính quy đổi với hệ số 0,5 nhưng tối đa không quá 1/3 thời gian quy định.

b) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc:

Là người dân tộc thiểu số được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân;

Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, doanh nhân, nghệ sỹ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo, bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội trong cộng đồng dân cư;

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các Sở, Ban ngành tỉnh làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, văn hóa, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng, xây dựng và giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc, góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Có thành tích đã được tặng Bằng khen của cơ quan quản lý.

c) Các trường hợp được xét, tặng Kỷ niệm chương khác:

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành Trung ương; Lãnh đạo các tỉnh, thành phố có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam;

Cá nhân có thành tích xuất sắc nhân dịp các lần Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam; Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, huyện.

Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có thành tích góp phần củng cố, tăng cường tình đoàn kết các dân tộc, có công lao giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

d) Các trường hợp không xét tặng Kỷ niệm chương, gồm: Các cá nhân đã bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc đang trong thời gian xem xét kỷ luật. Đối với cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì năm không hoàn thành nhiệm vụ hoặc chịu kỷ luật không được tính liên tục để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm

1. Tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân của các Vụ, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” 02 năm liên tục;

b) Cá nhân trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc lập được thành tích xuất sắc trong các đợt thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) do Ủy ban Dân tộc phát động; hoặc lập được thành tích xuất sắc đợt xuất.

2. Tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Các Vụ, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc: Đạt 02 lần liên tục danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (kể cả năm vừa được bình xét); hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các đợt thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) do Ủy ban Dân tộc phát động.

b) Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh: Đạt thành tích xuất sắc trong công tác dân tộc ở địa phương; hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các đợt thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) do Ủy ban Dân tộc phát động.

3. Tặng cho cá nhân, tập thể ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

4. Tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhân dịp các lần Đại hội các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Điều 15. Tiêu chuẩn khen thưởng thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề), khen thưởng đợt xuất

1. Tiêu chuẩn khen thưởng thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề): Được quy định cụ thể tại nội dung phát động thi đua, hoặc văn bản hướng dẫn tổng kết thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề);

2. Khen thưởng đợt xuất:

a) Được xét tặng cho các cá nhân, tập thể đã có thành tích đợt xuất theo quy định tại điểm c mục 1, phần II Thông tư số 02/2011/TT-BNV;

b) Tùy theo hoàn cảnh, thành tích cụ thể của cá nhân hoặc tập thể, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc, Thủ trưởng cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

Điều 16. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp

Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp để tặng cho:

1. Tập thể (Phòng, Ban trực thuộc) Lao động tiên tiến; đạt các tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

b) Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

d) Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị.

2. Cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác, nghĩa vụ công dân;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN

Điều 17. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Ủy ban Dân tộc

1. HĐTĐKT do Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định thành lập và chỉ định các thành viên Hội đồng;

2. Cơ cấu thành viên của HĐTĐKT gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng, Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm được Bộ trưởng, Chủ nhiệm phân công;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo của Vụ, đơn vị được giao chức năng nhiệm vụ tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng;

c) Các Ủy viên Hội đồng gồm: Đại diện Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và một số Lãnh đạo cấp Vụ, đơn vị do Bộ trưởng, Chủ nhiệm chỉ định.

d) Thường trực Hội đồng gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Chủ tịch Công đoàn cơ quan.

Trong trường hợp cần thiết, HĐTĐKT có thể mời một số đại diện các Vụ, đơn vị có liên quan tham dự các cuộc họp của Hội đồng; các đại biểu mời được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

3. HĐTĐKT là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

Hội đồng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ: Tổ chức phát động, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định hồ sơ khen thưởng, đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền, hoặc xét, trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐTĐKT do Bộ trưởng, Chủ nhiệm ban hành.

4. Cơ quan Thường trực HĐTĐKT là Văn phòng Ủy ban, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao quy định tại Quy chế hoạt động của HĐTĐKT do Bộ trưởng, Chủ nhiệm ban hành.

Phòng Thi đua - Khen thưởng là đơn vị đầu mối giúp việc cho HĐĐKT và Cơ quan Thường trực, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao quy định tại Quy chế hoạt động của HĐĐKT do Bộ trưởng, Chủ nhiệm ban hành.

Điều 18. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cơ sở (HĐĐKTCS):

1. HĐĐKTCS của các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập và chỉ định các thành viên Hội đồng;

a) Cơ cấu thành viên HĐĐKTCS gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được Thủ trưởng phân công;

Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu tổ chức giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

Các Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy, tổ chức Công đoàn và các thành viên khác (là trưởng các đơn vị chuyên môn trực thuộc) do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ định.

Trong trường hợp cần thiết, HĐĐKTCS có thể mời một số đại biểu có liên quan tham dự các cuộc họp của Hội đồng; các đại biểu mời được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

b) HĐĐKTCS thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng;

Hội đồng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ: Tổ chức phát động, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng kết các phong trào thi đua; xem xét, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: Xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền; đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm xét, tặng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

c) Quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐĐKTCS do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

2. Đối với các Vụ, đơn vị cấp tương đương làm nhiệm vụ quản lý nhà nước: Liên tịch (Chính quyền, Cấp ủy và Công đoàn) thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐĐKTCS.

Điều 19. Hội đồng khoa học, sáng kiến Ủy ban Dân tộc:

1. HĐKHSK do Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định thành lập và chỉ định các thành viên.

2. Cơ cấu thành viên của HĐKHSK gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng, Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm được Bộ trưởng, Chủ nhiệm phân công;

b) Phó Chủ tịch là Lãnh đạo của Vụ, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về Khoa học công nghệ của cơ quan Ủy ban Dân tộc;

c) Các Ủy viên là Thủ trưởng một số Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban và một số cán bộ, công chức có năng lực, trình độ về quản lý, nghiên cứu khoa học, đánh

giá, thẩm định sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới.

3. HĐKHSK có nhiệm vụ: Xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới của các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc (làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm).

4. HĐKHSK làm việc theo Quy chế hoạt động do Bộ trưởng, Chủ nhiệm ban hành.

Điều 20. Hội đồng sáng kiến cơ sở (gọi tắt là HĐSKCS)

1. HĐSKCS do Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban quyết định thành lập và chỉ định các thành viên.

2. Cơ cấu thành viên của HĐSKCS gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc Phó Thủ trưởng được Thủ trưởng phân công;

b) Phó Chủ tịch là đại diện lãnh đạo của tổ chức giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

c) Các Ủy viên gồm một số cán bộ, công chức có trình độ quản lý chuyên môn, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị.

3. HĐSKCS có nhiệm vụ: Xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới của các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị (làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị).

4. HĐSKCS làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Thẩm quyền quyết định

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng, trao tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78 và Điều 81 Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định tặng, trao tặng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân của các Vụ, đơn vị cấp tương đương thuộc khối đơn vị quản lý nhà nước; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho Lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban.

b) Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến" cho tập thể; danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" cho cá nhân của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;

c) Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc" cho các tập thể quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

d) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc" cho các cá nhân quy định tại Điều 13 Thông tư này;

đ) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm cho các tập thể, cá nhân quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp quyết định tặng, trao tặng: Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (cho cán bộ từ cấp Phòng, Ban trở xuống), danh hiệu "Lao động tiên tiến" và Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị.

Điều 22. Tổ chức trao tặng

1. Lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ quy định "về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm; trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

2. Lễ trao tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Do HĐTDKT và Văn phòng Ủy ban tham mưu đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm tổ chức trao tặng, đảm bảo yêu cầu trang trọng, tránh hình thức, tránh lãng phí.

Điều 23. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm hướng dẫn, xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ tục và hồ sơ, tuyến trình đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương các loại, Huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) thực hiện theo quy định từ Điều 53 đến Điều 65 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và phần III (Thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng) Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

Ngoài số lượng bộ hồ sơ (gồm các loại văn bản trong hồ sơ) gửi cấp có thẩm quyền theo quy định, cơ quan, đơn vị, cá nhân đề nghị khen thưởng phải gửi thêm 01 bộ hồ sơ để lưu tại Thường trực HĐTDKT.

Điều 24. Tuyến trình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ: Xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này; đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Dân tộc.

2. Ủy ban Dân tộc hiệp y khen thưởng (theo đề nghị của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương) đối với các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước;

3. Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể (bao gồm cả khen thưởng đối ngoại theo tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13; khoản 3 Điều 14 Thông tư này) thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm; xét, trình đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo thẩm quyền; xét, đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị.

Vụ trưởng các Vụ Địa phương (I, II, III) chịu trách nhiệm đề xuất trình Bộ trưởng: Xét tặng các hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể, các tổ chức thuộc đối tượng khen thưởng đối ngoại (theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này) có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam trên địa bàn Vụ quản lý; Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân phải có xác nhận của cơ quan chủ quản.

4. Thủ trưởng cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xét, tặng: Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc cho tập thể đơn vị; Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm cho cá nhân thuộc đơn vị; xác nhận ý kiến đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với các trường hợp đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm khen thưởng theo chuyên đề; đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân trong và ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc thuộc địa phương.

5. Thủ trưởng các Bộ, Ban, ngành, cơ quan Trung ương đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm xét, tặng: Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan; Kỷ niệm chương cho các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Điều 25. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm

1. Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị do Thủ trưởng đơn vị ký;

(Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Báo cáo tổng kết công tác Thi đua, Khen thưởng của đơn vị. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của: Tập thể đơn vị (đối với đề nghị tặng Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm trở lên), của cá nhân (đối với cá nhân đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm trở lên) được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nhận xét, ký xác nhận;

(Mẫu số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Báo cáo tóm tắt về nội dung đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý của cá nhân đề nghị xét tặng "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ"; Báo cáo được HĐKHSK, HĐSKCS xác nhận;

(Mẫu Báo cáo, xác nhận do HĐKHSK ban hành).

d) Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của HĐTĐKT hoặc biên bản họp liên tịch chính quyền, cấp uỷ, công đoàn (đối với các Vụ, đơn vị không có HĐTĐKT) của cấp trình khen;

(Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

đ) Danh sách trích ngang tập thể, cá nhân (ghi giới tính cụ thể là: Ông hoặc bà) được đề nghị khen thưởng, kèm theo Tờ trình hoặc Văn bản đề nghị;

(Mẫu số 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

e) Trường hợp đề nghị xét, tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm cho cá nhân, tập thể người nước ngoài: Tùy theo quan hệ phối hợp trong công tác và thành tích xuất sắc của các đối tượng (cá nhân, tập thể), Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Uỷ ban lập hồ sơ đề nghị gồm Tờ trình đề nghị khen thưởng, kèm theo Báo cáo của Vụ, đơn vị về thành tích của cá nhân, tập thể trình khen.

(Báo cáo theo Mẫu số 11 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Đối với cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh:

a) Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Uỷ ban Dân tộc”: Phải có ý kiến xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc, hoặc văn bản đề nghị của Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

(Mẫu số 12, 12a của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Bảng tổng hợp danh sách trích ngang các cá nhân (ghi giới tính cụ thể là: Ông hoặc Bà) được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương;

(Mẫu số 13, 13a của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này)

c) Biên bản họp HĐTĐKT hoặc Biên bản họp Liên tịch (áp dụng đối với các cơ quan đơn vị thuộc hệ thống Cơ quan công tác Dân tộc);

(Mẫu số 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này)

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được áp dụng trong các trường hợp: Khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên khích lệ cá nhân, tập thể lập được công trạng, thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, học tập. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình khen, kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

(Mẫu số 1, 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Bản tóm tắt thành tích của cấp quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của cá nhân, tập thể để khen thưởng theo thủ tục đơn giản (sử dụng mẫu số 6 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 26. Thời gian gửi hồ sơ, thời hạn giải quyết, xét khen thưởng

1. Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Thời điểm trình hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”: Chậm nhất là ngày 15 tháng 3 năm sau;

b) Thời điểm trình hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các hình thức khen thưởng thường xuyên khác: Chậm nhất là ngày 15 tháng 5 năm sau.

2. Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm:

a) Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thường xuyên hàng năm: Chậm nhất là ngày 15 tháng 11 hàng năm;

b) Đối với đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (định kỳ): Gửi trước ngày 01 tháng 3 hàng năm; trường hợp đề nghị xét tặng đột xuất, Thường trực HĐTĐKT thẩm định, báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

c) Đối với đề nghị khen thưởng thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề: Thời gian gửi hồ sơ thực hiện theo văn bản hướng dẫn hoặc theo Kế hoạch phát động thi đua của Ủy ban Dân tộc.

3. Nơi nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng: Thường trực HĐTĐKT (Văn phòng Ủy ban).

4. Thời hạn giải quyết, xét khen thưởng định kỳ của Ủy ban Dân tộc:

a) Thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng định kỳ của mỗi đợt xét khen thưởng là 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định; trong đó:

Thường trực HĐTĐKT tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo HĐTĐKT: 15 ngày làm việc;

HĐTĐKT tiến hành họp bình xét khen thưởng đối với từng cá nhân, tập thể theo quy định: 10 ngày làm việc;

Căn cứ báo cáo kết quả của HĐTĐKT, tập thể Lãnh đạo Ủy ban xem xét thông qua trước khi trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban: 03 ngày làm việc;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành Quyết định khen thưởng đối với cá nhân, tập thể: 02 ngày làm việc.

b) Thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng đột xuất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định; trong đó:

Thường trực HĐTĐKT tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo HĐTĐKT: 07 ngày làm việc;

HĐTĐKT tiến hành họp bình xét khen thưởng đối với từng cá nhân, tập thể theo quy định: 03 ngày làm việc;

Căn cứ báo cáo kết quả xét của HĐTĐKT, tập thể Lãnh đạo Ủy ban xem xét thông qua trước khi trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm: 03 ngày làm việc;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành Quyết định khen thưởng đối với cá nhân, tập thể: 02 ngày làm việc.

c) Thời hạn xét tặng Kỷ niệm chương: Theo định kỳ là 12 ngày làm việc, theo đề nghị đột xuất là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 27. Thông báo kết quả khen thưởng, lưu giữ hồ sơ khen thưởng

1. Thông báo kết quả khen thưởng:

a) Sau khi thẩm định, nếu hồ sơ thiếu thủ tục hoặc không đúng tuyến trình, Thường trực HĐTDKT có trách nhiệm thông báo cho cơ quan trình khen thưởng. Chậm nhất đến ngày 20 tháng 12 hàng năm, HĐTDKT phải báo cáo kết quả xét khen thưởng, trình Lãnh đạo Ủy ban.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định khen thưởng, Thường trực HĐTDKT có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết kết quả khen thưởng.

2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng.

Để phục vụ cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của các tập thể, cá nhân hoặc xác nhận cho đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu:

a) Thường trực HĐTDKT (Phòng Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; thực hiện bàn giao hồ sơ khen thưởng cho phòng Văn thư – Lưu trữ, Văn phòng Ủy ban theo quy định hiện hành về lưu trữ.

b) Các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc có trách nhiệm tổ chức quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị. Các quyết định về thi đua, khen thưởng của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp phải gửi cho Thường trực HĐTDKT Ủy ban Dân tộc chậm nhất là 15 ngày sau ngày ban hành.

Chương VI QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28. Quy định chung

1. Nguồn hình thành, việc trích lập và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban Dân tộc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

2. Hàng năm, Vụ Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm bố trí nguồn chi cho công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban Dân tộc từ nguồn ngân sách nhà nước với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt.

3. Văn phòng Ủy ban chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc trích lập, quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban Dân tộc đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp căn cứ quy định hiện hành và điều kiện thực tế quyết định bố trí nguồn chi cho công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của đơn vị.

5. Ủy ban Dân tộc khuyến khích các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban, các cá nhân, tập thể trong và ngoài cơ quan Ủy ban Dân tộc hỗ trợ, đóng góp để bổ sung Quỹ thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban.

6. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 29. Nguyên tắc chi tiền thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do mình quản lý.

a) Đối với cá nhân, tập thể của các Vụ, đơn vị thuộc khối quản lý nhà nước (quỹ lương thuộc Văn phòng Ủy ban) và các cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh được Bộ trưởng, Chủ nhiệm khen thưởng thì Văn phòng Ủy ban chịu trách nhiệm chi tiền thưởng.

b) Đối với cá nhân, tập thể thuộc các đơn vị sự nghiệp được Bộ trưởng, Chủ nhiệm tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ", được tặng Bằng khen thì đơn vị đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng.

2. Trường hợp khen thưởng cấp Nhà nước: Cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm trình, được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm chi tiền thưởng; cụ thể như sau:

a) Văn phòng Ủy ban chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể của các Vụ, đơn vị thuộc khối quản lý nhà nước được khen thưởng;

b) Các đơn vị sự nghiệp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc đơn vị được khen thưởng.

3. Một số trường hợp cụ thể khác:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng khen thưởng nếu đạt được nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ được tiền thưởng của danh hiệu thi đua có mức thưởng cao nhất (Ví dụ: Năm 2009, Ông Nguyễn Văn A được công nhận là LĐTT, sau đó được công nhận danh hiệu CSTĐCS năm 2009, thì Ông Nguyễn Văn A chỉ được nhận tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS).

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau, thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau (Ví dụ: Năm 2009, 2010, 2011 Ông Nguyễn Văn A đạt danh hiệu CSTĐCS, đồng thời được xét tặng danh hiệu CSTĐ cấp Bộ năm 2011, thì Ông Nguyễn Văn A được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS và tiền thưởng của danh hiệu CSTĐ cấp Bộ của năm 2011).

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa được tặng hình thức khen thưởng, thì được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu thi đua và tiền thưởng của hình thức khen thưởng (Ví dụ: Năm 2009, Ông Nguyễn Văn A đạt danh hiệu CSTĐCS và được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm, thì Ông Nguyễn Văn A được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS và tiền thưởng của Bằng khen Bộ trưởng năm 2011).

Điều 30. Quyền lợi, tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng của Ủy ban Dân tộc

1. Các hình thức khen thưởng của Ủy ban Dân tộc:

a) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc":

Cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc được tặng Kỷ niệm chương được nhận: Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương và tiền thưởng bằng 0,6 lần mức lương tối thiểu.

Cá nhân thuộc cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện và các cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc được tặng Kỷ niệm chương được nhận: Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương.

b) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm:

Cá nhân thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm được nhận: Bằng và tiền thưởng bằng 1,0 lần mức lương tối thiểu.

Tập thể thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm được nhận: Bằng khen và tiền thưởng bằng 2,0 lần mức lương tối thiểu.

Tập thể, cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm được nhận: Bằng khen.

2. Khen thưởng của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp:

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp quyết định quyền lợi, tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền của mình theo quy định hiện hành.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Thường trực HĐTĐKT chủ trì, tham mưu, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Kiểm tra thực hiện công tác thi đua khen thưởng hàng năm:

a) Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban và các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc về quản lý, sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng theo quy định hiện hành.

b) Thanh tra Ủy ban, Thanh tra cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh phối hợp với đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện thanh tra về công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm giải quyết kịp thời các vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế: Quy chế Thi đua – Khen thưởng (ban hành kèm theo các Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 08/5/2008, số 06/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008); Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc" (ban hành kèm theo các Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 08/5/2008, số 07/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008) của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc phản ánh về Ủy ban Dân tộc (qua Thường trực HĐTĐKTUBND) để nghiên cứu vận dụng hoặc sửa đổi, bổ sung. / *lm*

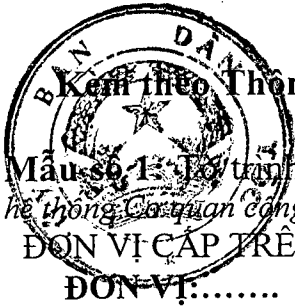
Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc Quốc hội;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Bộ Nội vụ (Ban T ĐKTTW);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc UBNDT;
- Cơ quan công tác Dân tộc tỉnh;
- Thành viên HĐTĐKTUBNDT;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Website CP, website UBNDT;
- Lưu: VT, TĐKT

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Giàng Seo Phủ



PHỤ LỤC
Khen thưởng Thông tư số 01 /TT-UBND ngày 15/7/2011 của Ủy ban Dân tộc
 Mẫu số 1-10 trình đề nghị xét khen thưởng (sử dụng cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống Cơ quan công tác Dân tộc)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ:.....

Số:..... /TTr....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét khen thưởng....(1).....

Kính gửi: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Căn cứ Thông tư số /2011/TT-UBND ngày tháng năm 2011 hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc; Văn bản số.../UBND-.....ngày.../...của.....;

Căn cứ Biên bản họp cuộc (ngày.....tháng....năm.....) của Hội đồng Thi đua Khen thưởng (hoặc Liên tịch) về việc bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 201.....;

...(tên đơn vị)...đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xét, tặng (hoặc xét, trình cấp có thẩm quyền - đối với khen cao) xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân như sau:

1. Danh hiệu thi đua năm..... (2):

a) Tập thể: Đề nghị xét tặng danh hiệu ..(ghi rõ danh hiệu đề nghị-nếu có: Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc; hoặc TTLĐXS; TTLĐTT) cho ...(tên đơn vị).....

b) Cá nhân (chi sử dụng cho các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban): ghi theo từng loại danh hiệu (CSTD toàn quốc: ...số.. đ/c; CSTD cấp Bộ:...số... đ/c; CSTD cơ sở:...số.... đ/c; LĐTT:...số...đ/c).

2. Hình thức khen thưởng (2) (ghi cụ thể từng hình thức, số lượng đề nghị khen thưởng-nếu có: Huân chương....; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban):

Ví dụ:

a) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban:

- Tập thể(tên đơn vị):

- Cá nhân:....(số người).....

b).....

(có danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng và hồ sơ kèm theo) (2)

...(tên đơn vị)...kính đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐĐKTUBNDT;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) ghi rõ hình thức khen thưởng: Thường xuyên năm....; Đợt thi đua...(hoặc Chuyên đề); Đợt xuất; Công hiến; Đối ngoại; Hoặc Huân, huy chương, Bằng khen của Bộ trưởng, B. khen của Thủ tướng CP....

(2) Có loại nào (Danh hiệu thi đua; Hình thức khen thưởng): Ghi (Trình) loại đó;

(3) Trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (CSTD toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương....) thì có thể không cần lập bảng danh sách riêng, mà đưa ngay danh sách cụ thể vào tờ trình).

Mẫu số 2: Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (sử dụng cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống Cơ quan công tác Dân tộc).

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
CỦA(ghi rõ tên cơ quan, đơn vị)...**NĂM**

(kèm theo Tờ trình số..... /TTr-.... ngày.....tháng..... năm.....)

SỐ TT	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng Tên đơn vị; Họ và tên cá nhân	Chức vụ (đối với cá nhân)	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
A	DANH HIỆU THI ĐUA		
TẬP THỂ(ghi cụ thể danh hiệu thi đua đề nghị: TTLĐTT; TTLĐXS; Cờ thi đua của UBND, Cờ thi đua của CP).....		
CÁ NHÂN	(đối với các Vụ, đơn vị thuộc UB)		
I	Chiến sỹ thi đua toàn quốc		
.1..	Ông (bà)	
II	Chiến sỹ thi đua cấp bộ		
1	Ông (bà)	
III	Chiến sỹ thi đua cơ sở		
1	Ông (bà)	
...	Ông (bà)	
IV	Lao động tiên tiến (LĐTT)		
1	Ông (bà)	
.2..	Ông (bà)	
V	Không hoàn thành nhiệm vụ		
1	Ông (bà) (lý do).....	
B	HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG:.... (ghi cụ thể từng hình thức đề nghị khen thưởng-nếu có đối với: Tập thể; Cá nhân)		
I	Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UB:		
TẬP THỂ	...(tên cơ quan, đơn vị)...		
CÁ NHÂN			
1	Ông (bà)	

Tổng số Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: ...(số người).....

Người lập biểu

(ĐT liên hệ)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chỉ kê khai những danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (nếu có) tương ứng với Tờ trình của đơn vị đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm xét khen thưởng theo thẩm quyền.

Mẫu 3: Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng hoặc Liên tịch (sử dụng cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống Cơ quan công tác Dân tộc).

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-HĐTĐKT

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG (hoặc liên tịch)
Về việc xét đề nghị khen thưởng...(1)...**

Hôm nay, ngày.... tháng năm, tại...(địa danh).....HĐTĐKT (hoặc Liên tịch)...(tên cơ quan, đơn vị) đã tiến hành cuộc họp: Xét khen thưởng...(1)...cho các cá nhân và tập thể thuộc đơn vị.

I. Thành phần tham dự cuộc họp

Có mặt:...../.....thành viên Hội đồng, gồm:

1. Chủ trì cuộc họp: Ông (Bà)....., Chức vụ.....
2. Thư ký cuộc họp: Ông (Bà)....., chức vụ: Thư ký Hội đồng.
3. Ông (bà):....., Chức vụ.....

Vắng mặt (lý do)...../.....thành viên Hội đồng, gồm:.....

II. Nội dung, kết quả cuộc họp:

Căn cứ Thông tư số /2011/TT-UBND ngày tháng năm 2011 hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc; Công văn số.....ngày....tháng.... năm của.....v/v.....

Sau khi nghe Thường trực Hội đồng (hoặc Liên tịch) báo cáo kết quả bình bầu khen thưởng của...(các phòng ban trực thuộc hoặc tại cuộc họp toàn thể)... đơn vị, Hội đồng (hoặc liên tịch) đã thảo luận và thống nhất kết luận: Đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xét khen thưởng cho các cá nhân, tập thể như sau (2):

STT	Danh hiệu thi đua, Hình thức khen thưởng; Họ, tên cá nhân/ tập thể	Chức vụ (đối với cá nhân)	Tỉ lệ phiếu bầu (%)
A	DANH HIỆU THI ĐUA
TẬP THỂ
CÁ NHÂN
.....	Ông (Bà).....

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm; Biên bản đã được đọc lại, các thành viên tham dự cuộc họp nhất trí thông qua và ký tên (3)/.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ hình thức khen thưởng: Thường xuyên năm....; Đợt thi đua...(hoặc Chuyên đề); Đợt xuất; Công hiến; Đối ngoại; Hoạch Huân, huy chương, Bằng khen của. BT, BK của TTg, Kỷ niệm chương của UBND.

(2): Trường hợp số lượng đề nghị khen thưởng nhiều thì lập Bảng danh sách đề nghị khen thưởng kèm theo Biên bản, Tờ trình – không đưa vào biểu nêu trên).

(3): Trường hợp họp Liên tịch thì phải có đầy đủ chữ ký của các thành phần đại diện tham dự.

Mẫu số 4: Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của UBĐT, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm **cho tập thể** có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm (1)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN,
ĐƠN VỊ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BÁO CÁO
THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG...(2)

Tên đơn vị: (ghi đầy đủ, không viết tắt)

I- Sơ lược đặc điểm, tình hình đơn vị:

1- Đặc điểm, tình hình

- Quá trình thành lập, địa điểm trụ sở chính;

- Tóm tắt cơ cấu tổ chức: phòng, ban, đơn vị trực thuộc; tổng số cán bộ công chức, nhân viên; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên (trình độ chuyên môn nghiệp vụ...); các tổ chức đảng, đoàn thể; những đặc điểm chính của cơ quan, đơn vị, những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

- Cơ sở vật chất: (3).

2- chức năng, nhiệm vụ được giao (ngắn gọn, rõ ràng)

II- Thành tích đạt được:

1- Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan đơn vị và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số /2011/TT-UBĐT ngày /6/2011 của Ủy ban Dân tộc.

Nội dung báo cáo nêu rõ thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về số lượng, chất lượng, hiệu quả công tác so với định mức, kế hoạch giao; so với các năm trước hoặc so với lần khen thưởng trước đây. Trường hợp có bảng chấm điểm thi đua, cần nêu kết quả số điểm tự chấm/số điểm chuẩn, việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính, các sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Cơ quan làm công tác dân tộc... (4).

2- Những biện pháp trong tổ chức thực hiện và những nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn công tác.

3- Thực hiện các nhiệm vụ khác: (5)

4- Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới (nêu ngắn, gọn):

III- Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận (6).

-.....

-.....

**Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp
nhận xét, xác nhận (7)**
(Ký, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Báo cáo thành tích của tập thể: 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng; 05 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động, Huân chương Chiến công; 03 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 02 năm đối với bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua cơ quan Ủy ban Dân tộc, Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến.

(2): Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

(3): Đối với đơn vị sự nghiệp có thu cần nêu tình hình tài chính: Tổng số thu chi; cơ sở vật chất...

(4): Tuỳ theo tiêu chuẩn của hình thức đề nghị khen thưởng, chức năng nhiệm vụ của đơn vị: Phần này cần nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị), ví dụ:

- Đối với các đơn vị quản lý nhà nước: kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính về chuyên môn, về tham mưu cho lãnh đạo, tổng số các Đề án, Chương trình, các văn bản đã xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học, chất lượng, hiệu quả (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội), ...

- Đối với Trường Cán bộ Dân tộc: tổng số học sinh, sinh viên; chất lượng và kết quả học tập; số đề tài nghiên cứu, cải tiến phương pháp giảng dạy cho học sinh, sinh viên và học viên là người dân tộc thiểu số...

(5): Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, công chức viên chức, nhân viên; công tác xây dựng đảng, đoàn thể; hoạt động xã hội, từ thiện...

(6): Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp có thẩm quyền tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cấp ký quyết định) trong thời hạn của báo cáo tại ghi chú (1).

(7) Xác nhận:

- Đối với cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là: Nhận xét, xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh;

- Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban là: Xác nhận của Lãnh đạo Ủy ban phụ trách.

Mẫu số 5: Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Chiến sỹ thi đua cấp bộ và Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban cho cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị (1).

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm.....

BÁO CÁO

THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG...(2)

Họ tên, chức vụ và đơn vị công tác của cá nhân đề nghị

(ghi đầy đủ không viết tắt)

I- Sơ lược lý lịch:

- Họ và tên: Bí danh (nếu có): giới tính:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán (3):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

II- Thành tích đạt được:

- 1- Quyền hạn, nhiệm vụ được giao
- 1- Sơ lược thành tích của đơn vị (4):
- 2- Thành tích đạt được của cá nhân (5):

III- Các hình thức đã được khen thưởng: (6):

Danh hiệu thi đua, Hình thức khen thưởng	Số Quyết định, ngày, tháng, năm
- Chiến sỹ thi đua cơ sở	
.....	
- Bằng khen của Bộ, ngành TW, Tỉnh.....	
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
- Huân chương	
- Các hình thức khen thưởng khác:	

Thủ trưởng đơn vị xác nhận, đề nghị

(Ký, đóng dấu)

Người báo cáo thành tích

(Ký, ghi rõ họ tên))

Thủ trưởng đơn vị cấp trên

trực tiếp xác nhận (7)

(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Báo cáo thành tích 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 06 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 03 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua Ngành Tư pháp; 02 năm đối với bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban.

(2): Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

(3): Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

(4): Đối với cá nhân là thủ trưởng cơ quan, đơn vị: Nêu tóm tắt khái quát thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị). Ví dụ: Xem tại Ghi chú (4) mẫu số 4 - phụ lục của Thông tư này.

(5): Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về số lượng, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; kết quả cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ (nếu là lãnh đạo); Các biện pháp đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).

(6): Kê khai các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cấp ký quyết định).

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 07 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động hạng ba, 05 năm đối Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

- Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc":

+ Ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ (Ủy ban Dân tộc), ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" và 06 lần đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu, là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học (kèm theo giấy chứng nhận, xác nhận của HĐKHSK UBND).

- Đối với Báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ" ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến, đề tài khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận.

(7): Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp xác nhận:

- Đối với đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, CSTĐ toàn quốc: Là xác nhận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban;

- Đối đề nghị tặng thưởng CSTĐCS, CSTĐ cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Là xác nhận của Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban;

- Đối với cá nhân thuộc cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh (khi đề nghị tặng bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm): Là xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (nếu là cán bộ thuộc đơn vị); Là xác nhận của Thường trực HĐĐKT tỉnh (nếu là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).

Mẫu số 6: Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm ...

BÁO CÁO
THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG)...(1)
Về thành tích xuất sắc đột xuất trong...

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I- Sơ lược đặc điểm, tình hình:

- Đối với tập thể đơn vị: ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: họ và tên (bí danh), giới tính, ngày tháng năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II- Thành tích đạt được:

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong công tác, lao động, học tập; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...)

Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp
nhận xét, xác nhận (3)
(Ký, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị (2)
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

(2): Đối với cá nhân: ký, ghi rõ họ, tên và thủ trưởng đơn vị xác nhận, đề nghị ký, đóng dấu (nếu có).

(3): - Đối với "Tập thể": Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban là xác nhận của Lãnh đạo Ủy ban phụ trách; Cơ quan công tác Dân tộc cấp tỉnh là: Nhận xét, xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh;

- Đối với "Cá nhân": Đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, CSTĐ toàn quốc: Là xác nhận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban; đề nghị tặng thưởng CSTĐCS, CSTĐ cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Là xác nhận của Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban;

- Đối với cá nhân thuộc cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh (khi đề nghị tặng bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm): Là xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (nếu là cán bộ thuộc đơn vị); Là xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh (nếu là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).

Mẫu số 7: Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề cho tập thể, cá nhân.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BÁO CÁO
THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG...(1)

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(ghi đầy đủ, không viết tắt)

I- Sơ lược đặc điểm, tình hình đơn vị:

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: họ và tên (bí danh - nếu có), giới tính, ngày tháng năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II- Thành tích đạt được:

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu, định mức về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua...

Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp
nhận xét, xác nhận (3)
(Ký, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị (2)
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi hình thức đề nghị khen thưởng. Chỉ áp dụng đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban; trường hợp đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu mới đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

(2): Đối với cá nhân: ký và ghi rõ họ, tên.

(3): - Đối với "Tập thể": Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban là xác nhận của Lãnh đạo Ủy ban phụ trách; Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là: Nhận xét, xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh;

- Đối với "Cá nhân" thuộc Ủy ban: Đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, CSTĐ toàn quốc: Là xác nhận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban; đề nghị tặng thưởng CSTĐCS, CSTĐ cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Là xác nhận của Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban;

- Đối với "Cá nhân" thuộc Cơ quan công tác Dân tộc cấp tỉnh (khi đề nghị tặng bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm): Là xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (nếu là cán bộ thuộc đơn vị); Là xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh (nếu là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).

Mẫu số 8: Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng (hoặc truy tặng) Huân chương cho cán bộ lãnh đạo có quá trình cống hiến trong các tổ chức, cơ quan, đoàn thể.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BÁO CÁO
TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG..... (1)

I - Sơ lược lý lịch cá nhân:

- Họ và tên: Bí danh (2): Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán (3):
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II - Tóm tắt quá trình công tác:

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác (4).

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ	Ghi chú
.....

III - Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận (5):

IV - Kỷ luật (6)

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
quản lý cán bộ (7)
(Ký, đóng dấu)

Người báo cáo (8)
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp xác nhận
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

(2): Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.

(3): Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) theo địa danh mới.

(4): Đối với trường hợp đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần).

Đánh giá tóm tắt thành tích đạt được của đơn vị quản lý trong quá trình công tác đối với cá nhân được đề nghị khen thưởng.

(5): Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cấp ký quyết định).

(6): Ghi rõ hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có).

(7): Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.

Đối với cán bộ thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý do Ban tổ chức tỉnh uỷ hoặc thành uỷ xác nhận.

(8): Đối với cán bộ đã từ trần: Cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) có trách nhiệm báo cáo, kê khai tóm tắt quá trình công tác (ghi rõ họ, tên, chức vụ người tóm tắt quá trình công tác).

Mẫu số 9: Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới (1)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh(thành phố), ngày tháng năm...

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG
DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Tên đơn vị đề nghị: (ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I- Sơ lược đặc điểm, tình hình đơn vị:

1. Đặc điểm, tình hình:

- Quá trình thành lập:
 - Địa điểm trụ sở chính:
 - Cơ cấu tổ chức: phòng, ban, đơn vị trực thuộc; tổng số cán bộ, công chức, nhân viên và chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...); tổ chức Đảng, đoàn thể;
 - Cơ sở vật chất (2).
 - Tổ chức Đảng, đoàn thể..
 - Những đặc điểm chính của đơn vị, của địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.
2. Chức năng, nhiệm vụ chính được giao hoặc đảm nhận.

II- Thành tích đạt được:

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...) (3).
2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sản xuất (4).
3. Các nhiệm vụ khác (5).

III. Các hình thức đã được khen thưởng (6):

**Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực
tiếp nhận xét, xác nhận (7)**
(ký, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Báo cáo thành tích của tập thể 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ báo cáo thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất hoặc thành tích đặc biệt khác).

(2): Đối với đơn vị sự nghiệp có thu cần nêu tình hình tài chính: Tổng số thu chi; cơ sở vật chất...

(3): Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo qui định tại khoản 2, Điều 44 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Thông kê việc thực hiện các chỉ tiêu, định mức, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước), VDụ:

- Các tiêu chí cơ bản đối với trường học như: tổng số học sinh, chất lượng và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp quận (huyện, thị xã), tỉnh (thành phố), quốc gia; số giáo viên giỏi cấp quận (huyện, thị xã), tỉnh (thành phố), quốc gia; số đề tài, sáng kiến cải tiến công tác giảng dạy...

- Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh: tổng sản lượng doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân, số sáng kiến cải tiến, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật đem lại hiệu quả kinh tế; phúc lợi xã hội; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (có xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động...?

(4): Nêu các phương pháp để đạt thành tích dẫn đầu trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học... mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ngành, địa phương được nhân dân và cấp có thẩm quyền công nhận.

(5): Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phòng chống cháy, nổ; các hoạt động xã hội, từ thiện...

(6): Nêu các hình thức khen thưởng (từ bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cấp ký quyết định).

(7) Xác nhận:

- Đối với cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là: Nhận xét, xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh;

- Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban là: Xác nhận của Lãnh đạo Ủy ban phụ trách.

Mẫu số 10: Báo cáo thành tích *đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới (1)*

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG (TRUY TẶNG)
DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Họ tên, bí danh, giới tính, chức vụ, đơn vị công tác của cá nhân đề nghị khen thưởng
(ghi đầy đủ không viết tắt)

I. Sơ lược đặc điểm cá nhân:

1. Sơ lược lý lịch:

- Ngày tháng năm sinh:
- Quê quán (2):
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác (hoặc trước khi hy sinh, từ trần):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia đoàn thể):
- Ngày, tháng, năm hy sinh (hoặc từ trần):

2. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao:

II. Thành tích đạt được:

1. Những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo, trong công tác (chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...) (3).
2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, chiến đấu, phục vụ chiến đấu (4).
3. Thực hiện các nhiệm vụ khác (5).

III. Các hình thức khen thưởng (6):

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Người báo cáo (7)
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp xác nhận (8)
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Báo cáo thành tích của cá nhân 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất).

(2): Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) theo địa danh mới.

(3): Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo qui định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ:

Đối với cá nhân là lãnh đạo đơn vị: Cần nêu tóm tắt thành tích của đơn vị; thống kê các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước nhằm làm rõ vai trò của cá nhân đối với tập thể).

(4): Nêu các biện pháp để đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội có ý nghĩa chính trị, xã hội đối với Bộ, ngành, địa phương được quần chúng nêu gương học tập và cấp có thẩm quyền công nhận.

(5): Gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các qui định nơi cư trú; phẩm chất đạo đức, tác phong, xây dựng gia đình văn hóa; tham gia các phong trào thi đua; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các hoạt động xã hội, từ thiện...

(6): Nêu các hình thức khen thưởng (từ bằng khen, danh hiệu CSTĐ cơ sở trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban ngành, đoàn thể ở Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng trong 10 năm (ghi rõ quyết định, ngày, tháng, năm, cấp ký quyết định).

(7): Đối với cá nhân đã hy sinh (từ trần): Cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ trước khi từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai tóm tắt thành tích trong quá trình công tác của đối tượng đề nghị khen thưởng (ghi rõ họ, tên, chức vụ người viết báo cáo).

(8): Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp xác nhận:

- Đối với cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc: Là xác nhận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban.

- Đối với cá nhân thuộc cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh: Là xác nhận của Thường trực HĐTĐKT tỉnh.

Mẫu số 11: Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban cho tập thể, cá nhân người nước ngoài.

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh(thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG...(1)

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng

(ghi đầy đủ, không viết tắt)

I Sơ lược đặc điểm, tình hình:

- Đối với tập thể ghi rõ trụ sở chính tại Việt Nam (nếu đơn vị, cá nhân làm việc tại Việt Nam). Cơ sở thành lập, cơ cấu tổ chức và lĩnh vực hoạt động.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, quốc tịch, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. Thành tích đạt được:

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong công tác, sản xuất; những đóng góp của tập thể, cá nhân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển công tác dân tộc hoặc đối với đất nước Việt Nam (2).

- Việc chấp hành chính sách pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán..) và các hoạt động từ thiện nhân đạo...

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam và các nước trên thế giới....

III. Các hình thức khen thưởng đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng (3):

.....

Thủ trưởng đơn vị phối hợp xác nhận (5)

(ký tên, đóng dấu)

Đại diện đơn vị (4)

(ký tên, đóng dấu)

Hoặc người B/C (ký tên)

Ghi chú: (1): Ghi hình thức đề nghị khen thưởng. Đối với đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương Lao động chỉ xét, khi cá nhân người nước ngoài kết thúc nhiệm kỳ hoặc kết thúc giai đoạn công tác tại Việt Nam.

(2): Đối với công ty 100% vốn nước ngoài, công ty liên doanh cần thống kê kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 03 năm, 05 năm (tùy theo hình thức khen thưởng);

(3): Nêu các hình thức khen thưởng (từ bằng khen trở lên) đã được các Bộ, ngành, Nhà nước Việt nam tặng thưởng trong thời hạn báo cáo (ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm, cấp ký Quyết định).

(4): Đơn vị là: Tập thể người nước ngoài;

(5): Xác nhận của Thủ trưởng Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban; Trường hợp người Báo cáo (4) là các Vụ, đơn vị phối hợp (không phải là cá nhân người nước ngoài) thì là xác nhận của Lãnh đạo Ủy ban phụ trách./.

Mẫu số 12: Tờ trình đề nghị tặng kỷ niệm chương (*Sử dụng cho các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống Cơ quan công tác Dân tộc*)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Số...../-TTr-TĐKT

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm 201...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vi sự nghiệp Phát triển các Dân tộc"

Kính gửi: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Căn cứ Thông tư số /2011/TT-UBDT ngày tháng năm 2011 hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc; Văn bản số...../UBDT-.....ngày..... tháng..... năm.....của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Biên bản họp cuộc (ngày.....tháng....năm.....) của Hội đồng Thi đua Khen thưởng (*hoặc Liên tịch*) về việc xét đề nghị tặng Kỷ niệm chương.....

...(tên đơn vị)...kính đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xét, tặng Kỷ niệm chương "Vi sự nghiệp Phát triển các Dân tộc" cho các cá nhân thuộc đơn vị như sau:

Tổng số:.....cá nhân; trong đó:

1. Trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc:

a, Đang công tác (trong ngành):cá nhân;

b, Đã nghỉ hưu (trong ngành):cá nhân;

2. Ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc:.....cá nhân.

...(tên đơn vị)... trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét quyết định./.

(có bảng tổng hợp danh sách trích ngang kèm theo)

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu VT.

Thủ trưởng đơn vị

Ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12a: Văn bản đề nghị tặng kỷ niệm chương (*Sử dụng cho các Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương, các Tổng Công ty, doanh nghiệp... ngoài hệ thống Cơ quan công tác Dân tộc*)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Số...../.....-TĐKT

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm 201...

V/v đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
"Vi sự nghiệp Phát triển các Dân tộc"

Kính gửi: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Căn cứ Thông tư số /2011/TT-UBND ngày tháng năm 2011 hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng của Ủy ban Dân tộc; Văn bản số...../UBND-.....ngày..... tháng..... năm.....của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Biên bản họp cuộc (ngày.....tháng.....năm.....) của Hội đồng Thi đua Khen thưởng về việc xét đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vi sự nghiệp Phát triển các Dân tộc".

...(tên cơ quan, đơn vị)...kính đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xét, tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân thuộc ...(tên cơ quan, đơn vị)... như sau:

Tổng số:.....cá nhân; trong đó:

a, Đang công tác:cá nhân;

b, Đã nghỉ hưu:cá nhân.

...(tên cơ quan, đơn vị)... trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét quyết định./.

(có bảng tổng hợp danh sách trích ngang kèm theo)

Nơi nhận:

-Như trên;
-Lưu VT.

Thủ trưởng đơn vị

Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13: Tổng hợp danh sách cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
(Sử dụng cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc)

Cơ quan cấp trên...
Tên Đơn vị.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm 201.....

BẢNG TỔNG HỢP
DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG
KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC”
(kèm theo Tờ trình số...../..... ngày.....tháng.....năm.....)

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ, đ.vị công tác (Hoặc địa chỉ thường trú: đối với trường hợp ngoài ngành nhưng không rõ cơ quan quản lý)	Tóm tắt thành tích (Cán bộ trong ngành DT: Kê khai rõ các Quyết định số, ngày, tháng, năm... được khen thưởng các loại: CSTĐ cấp Bộ, Bảng khen của BT, CN; Bảng khen của TTg; Huân chương).	Số năm công tác trong ngành DT	Số năm công tác ngoài ngành	Tổng số năm công tác được quy đổi	Ghi chú
A	Trong ngành Dân tộc (c.quan c.tác dân tộc)								
I	Đang công tác								
1									
...									
II	Đã nghỉ hưu								
...									
B	Ngoài ngành Dân tộc (1)								
.....									
	Tổng số:..(số người)....	x	x						

Ghi chú: (1) Kê khai theo thứ tự: Cán bộ các Sở, Ban, ngành của tỉnh trước; sau đó đến các đối tượng còn lại quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Người lập biểu

(ĐT liên hệ)

Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13a: Tổng hợp danh sách cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
(Sử dụng cho các Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương - ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc)

Cơ quan cấp trên...
Tên Đơn vị.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm 201.....

BẢNG TỔNG HỢP
DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG
KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC”
(kèm theo Văn bản số...../..... ngày.....tháng.....năm.....)

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ, đơn vị công tác	Tóm tắt thành tích (Chỉ kê khai các Quyết định: số, ngày, tháng, năm..... được tặng Bằng khen của cơ quan quản lý)	Ghi chú
A	Đang công tác					
1						
2						
....						
B	Đã nghỉ hưu					
1						
.....						
	Tổng số...(số người)...	x	x			

Người lập biểu
(ĐT liên hệ)

Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên)